

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 14/9/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC9342	Lê Thị Kiều	Diễm	07/11/2004	Tây Ninh							Vắng
2	BKNC9343	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,0	9,0	8,0	7,67	Đạt	
3	BKNC9344	Cao Thị Thanh	Giang	28/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
4	BKNC9345	Trương Thị Thanh Thanh	Giang	30/08/2003	Khánh Hòa	4,67	5,0	6,0	3,0	4,67	Không đạt	
5	BKNC9346	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	24/11/1984	Bến Tre	9,0	9,0	8,5	10,0	9,17	Đạt	
6	BKNC9347	Trần Trung	Hiếu	29/12/1998	Sơn La	8,67	10,0	9,0	9,0	9,33	Đạt	
7	BKNC9348	Trương Thị Kiều	Hoanh	22/07/2005	Quảng Ngãi	9,0	7,0	8,0	8,0	7,67	Đạt	
8	BKNC9349	Lê Nguyễn Minh	Hương	13/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
9	BKNC9350	Võ Ngọc	Huyền	02/06/2004	Quảng Ngãi	8,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
10	BKNC9351	Lê Hoàng Khánh	Linh	11/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	9,0	8,5	8,83	Đạt	
11	BKNC9352	Nguyễn Hoài Chúc	Ly	10/07/2005	Cần Thơ	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	
12	BKNC9353	Nguyễn Phương	Mai	04/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,0	7,0	5,0	5,67	Đạt	
13	BKNC9354	Bùi Thị Trà	My	20/09/2004	Quảng Ngãi	9,67	8,0	8,0	9,0	8,33	Đạt	
14	BKNC9355	Lê Quỳnh	Nga	06/11/2003	Thái Bình	7,0	7,0	7,0	8,0	7,33	Đạt	
15	BKNC9356	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	17/03/2004	Đồng Tháp	8,0	6,0	9,0	7,0	7,33	Đạt	
16	BKNC9357	Trần Thị Bích	Ngọc	05/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,0	6,0	5,0	5,33	Đạt	
17	BKNC9358	Lê Phương	Nhi	12/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	9,0	7,0	8,33	Đạt	
18	BKNC9359	Nguyễn Thị Yên	Nhi	10/03/2005	An Giang							Vắng
19	BKNC9360	Nguyễn Thị	Nhị	28/04/2004	Gia Lai	8,67	9,0	9,5	7,0	8,5	Đạt	
20	BKNC9361	Nguyễn Thị Ý	Như	24/03/2005	An Giang	9,67	8,0	9,5	6,5	8,0	Đạt	
21	BKNC9362	Vũ Nam	Phuong	26/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,67	7,0	9,0	8,0	8,0	Đạt	
22	BKNC9363	Nguyễn Tấn	Tài	02/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	7,0	7,0	5,5	6,5	Đạt	
23	BKNC9364	Ngô Thị Thanh	Thảo	09/11/2004	Bình Dương	5,0	4,0	6,0	4,0	4,67	Không đạt	
24	BKNC9365	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/01/2004	Tây Ninh	9,67	6,0	8,0	6,0	6,67	Đạt	
25	BKNC9366	Nguyễn Thanh	Thùy	11/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,0	8,0	6,0	6,33	Đạt	
26	BKNC9367	Lê Thị Thanh	Thủy	07/07/2005	Khánh Hòa	9,33	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
27	BKNC9368	Nguyễn Anh	Trí	25/06/2004	Tây Ninh	3,67	2,0	4,0	6,0	4,0	Không đạt	
28	BKNC9369	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	29/04/2003	Long An	9,33	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
29	BKNC9370	Hồ Thị Thanh	Xuân	10/12/1990	Long An	9,67	7,0	8,0	8,0	7,67	Đạt	
30	BKNC9371	Ngô Ngọc	Yến	09/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,0	9,0	9,0	8,33	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
						PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		

Số lượng thí sinh:30Số thí sinh đạt:25

Số lượng hiện diện:28

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam